

**CÔNG TY CỔ PHẦN GREENHOUSE HOLDING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GREENHOUSE HOLDING  
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:  
Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110906929

**3. Ngày thành lập:** 04/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 22 ngõ 371 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0935719898

Fax:

Email: binhphuthai@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                       | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                 | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                            | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                     | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                      | 4223        |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                       | 4229        |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                              | 4299        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                          | 4329        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                          | 4330        |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                     | 4390        |
| 12. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                | 4511        |
| 13. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                        | 4512        |
| 14. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                  | 4513        |
| 15. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                          | 4520        |
| 16. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4530        |
| 17. | Bán mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                  | 4541        |
| 18. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)              | 4543        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ những loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4620 |
| 21. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4661 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663 |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ những loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4690 |
| 24. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ: Hoạt động nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4730 |
| 25. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành<br>(Điều 67 Luật Giao thông đường bộ 2008;<br>Điều 5, 13 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4921 |
| 26. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh<br>(Điều 67 Luật Giao thông đường bộ 2008;<br>Điều 5, 13 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4922 |
| 27. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác<br>(Điều 67 Luật Giao thông đường bộ 2008; Điều 5, 13 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4929 |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao<br>- Vận tải hành khách bằng taxi (Điều 67, 68 Luật Giao thông đường bộ 2008;<br>Điều 6, 13 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)<br>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác<br>- Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt) | 4931 |
| 29. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210 |
| 30. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5224 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết:<br>Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ<br>Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                          | 5225 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                     | 5229 |
| 33. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư;<br>(Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6619 |
| 34. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh bất động sản<br>(Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014 được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 điều 75 Luật Đầu tư 2020)                                                                                                                                                                                       | 6810 |
| 35. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>(Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>(Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản<br>(Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)<br>- Sàn giao dịch bất động sản<br>(Điều 69 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014) | 6820 |
| 36. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ những loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020 |
| 37. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310 |
| 38. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**



\* Họ và tên: TRẦN KIỂM BA

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/12/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034063000009

Ngày cấp: 15/12/2023

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *số 52 ngõ 221 đường Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *số 52 ngõ 221 đường Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

\* Họ và tên: PHẠM THANH BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 09/07/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033074008038

Ngày cấp: 31/12/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tập thể Đoàn Xe 312 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tập thể Đoàn Xe 312 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội